

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC**  
**PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ KỲ BÁO CÁO NĂM 2025**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                                         | TRANG   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH                                                                                        | 2 - 4   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                                                                                        | 5 - 6   |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ KỲ BÁO CÁO NĂM 2025             | 7 - 24  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ KỲ BÁO CÁO NĂM 2025 | 25 - 27 |

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 (“các trái phiếu còn dư nợ”) (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu”) đã được kiểm toán.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |                         |
|-----------------------|-------------------------|
| Ông Lưu Trung Thái    | Chủ tịch HĐQT           |
| Bà Vũ Thị Hải Phượng  | Phó Chủ tịch HĐQT       |
| Bà Nguyễn Thị Hải Lý  | Phó Chủ tịch HĐQT       |
| Ông Vũ Thành Trung    | Phó Chủ tịch HĐQT       |
| Ông Phạm Như Ánh      | Thành viên HĐQT         |
| Ông Lê Viết Hải       | Thành viên HĐQT         |
| Bà Vũ Thái Huyền      | Thành viên HĐQT         |
| Ông Phạm Doãn Cương   | Thành viên HĐQT         |
| Bà Hoàng Thị Thu Hiền | Thành viên HĐQT         |
| Ông Vũ Xuân Nam       | Thành viên HĐQT         |
| Ông Hoàng Văn Sâm     | Thành viên HĐQT độc lập |

#### **Ban kiểm soát**

|                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| Bà Lê Thị Lợi           | Trưởng Ban kiểm soát     |
| Bà Nguyễn Thị An Bình   | Phó Trưởng Ban Kiểm soát |
| Bà Đỗ Thị Tuyết Mai     | Thành viên BKS           |
| Ông Đỗ Văn Tiến         | Thành viên BKS           |
| Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà | Thành viên BKS           |

#### **Ban Điều hành**

|                         |                    |
|-------------------------|--------------------|
| Ông Phạm Như Ánh        | Tổng Giám đốc      |
| Bà Nguyễn Minh Châu     | Phó Tổng Giám đốc  |
| Bà Phạm Thị Trung Hà    | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Trần Minh Đạt       | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Hà Trọng Khiêm      | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Lê Quốc Minh        | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Nguyễn Xuân Học     | Phó Tổng Giám đốc  |
| Bà Trần Thị Bảo Quế     | Thành viên BDH     |
| Ông Vũ Hồng Phú         | Thành viên BDH     |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc      | Thành viên BDH     |
| Bà Nguyễn Thị Thủy      | Thành viên BDH     |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Nga | Giám đốc Tài chính |

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng tại ngày lập Báo cáo này là Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phạm Như Ánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền theo Giấy Ủy quyền số 791/UQ-MB-HDQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 14/09/2023.

Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký/kết các văn bản, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc phát hành trái phiếu/mua lại trái phiếu đã phát hành của MB theo Giấy Ủy quyền số 11232/UQ-HS của Tổng Giám đốc ngày 25/12/2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đã được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 - “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu”.

Trong việc lập báo cáo này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác về tình hình sử dụng số tiền đối với các trái phiếu nói chung, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Ngân hàng xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu.

Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình sử dụng số tiền thu được do Ngân hàng phát hành trái phiếu ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo này tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành về việc chào bán, giao dịch, cũng như tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản cũng như khả năng trả nợ trái phiếu của Ngân hàng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đã được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo tại Thuyết minh số 2 - “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu”.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 ("Nghị định 153") của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 ("Nghị định 65") của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại Nghị định 65 và Nghị định 153, Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước. Ban Điều hành Ngân hàng cam kết tiếp tục duy trì khả năng hoạt động tài chính, tình hình kinh doanh của Ngân hàng và dùng các nguồn lực hợp pháp để đảm bảo việc thanh toán lãi và gốc Trái phiếu đúng hạn.

Thay mặt và đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, *dy*



**Phạm Như Ánh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

Số: 188/2026/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ  
kỳ báo cáo năm 2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

**Kính gửi: Ban Điều hành**  
**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 (gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2026, trình bày từ trang 7 đến trang 27. Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và bản Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Như được trình bày tại Báo cáo của Ban Điều hành từ trang 2 đến trang 4, Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được áp dụng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Thuyết minh số 2 “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu” của Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến Thuyết minh số 2.3 - Mục đích sử dụng báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu: Báo cáo này được lập trên cơ sở thực thu - thực chi từ các đợt chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước đối với các trái phiếu còn dư nợ trong giai đoạn từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu này chỉ sử dụng cho mục đích báo cáo cho các bên liên quan để đáp ứng yêu cầu công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 và Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023; Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 về việc hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến Mục 3 - Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ. Ngày 23/09/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội đã ban hành Công văn số 12599/MB-HS gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu để làm rõ nội dung công bố thông tin về mục đích phát hành đối với một số mã trái phiếu là: Bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng và/hoặc đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

### Vấn đề khác

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

3660-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**Ngô Anh Dũng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

5215-2026-112-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng").

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương): Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp, thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16/10/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 14/09/1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: số 18 Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 6266 1088

Fax: (84.24) 6266 1080

Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn

Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại cổ phần.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch Ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Mã số thuế của Ngân hàng là: 0100283873.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt như sau:

| STT | Mã trái phiếu       | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|---------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | MB.BOND.2017.10Y.01 | 5.000                                     | Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.                                                                                                           | Thông báo của Hội đồng quản trị số 656.1/TB-MB-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2017 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị tại cuộc họp lần thứ 03.<br>Trích sao số 29/TS-MB-HĐQT ngày 03/08/2022 của VB số 656.1/TB-MB-HĐQT ngày 11/07/2017.                                                                                                     |
| 2   | MB.BOND.2017.10Y.08 | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3   | MB.2018.10Y.01      | 1.700                                     | Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung vốn tự có theo quy định của NHNN và tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng.                                                                                   | Thông báo của Hội đồng quản trị số 886.2/TB-MB-HĐQT ngày 13/08/2018 về Nội dung quyết nghị của Hội đồng quản trị.                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | MB.2018.10Y.02      | 1.400                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 5   | MB.2018.10Y.03      | 250                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6   | MB.2018.10Y.04      | 450                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 7   | MB.2018.10Y.05      | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 8   | MB.2018.7Y.01       | 400                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 9   | MB.2018.7Y.02       | 4.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 10  | MB.2019.10Y.01      | 600                                       | Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng và bổ sung vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thông báo của Hội đồng quản trị số 723.2/TB-MB-HĐQT ngày 03 tháng 07 năm 2019 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị.<br>Trích sao số 37/TS-MB-HĐQT ngày 11/09/2019 của VB số 723.2/TB-MB-HĐQT ngày 03/07/2019.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 11  | MB.2019.10Y.02      | 800                                       | Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12  | MBBH2128002   | 10.000                                    | Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo.<br><br>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.                                                                                | Thông báo số 436/TB-MB-HĐQT ngày 23/06/2021 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2021.                                                                                                                     |
| 13  | MBBL2128001   | 17.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Trích sao số 20/TS-MB-HĐQT ngày 19/08/2021 của VB số 436/TB-MB-HĐQT ngày 23/06/2021.<br><br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.                                                                          |
| 14  | MBBL2128004   | 12.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 15  | MBBL2128005   | 24.500                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 16  | MBBL2128008   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 17  | MBBL2128009   | 22.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 18  | MBBL2128011   | 8.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 19  | MBBL2227006   | 36.000                                    | Bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng và/hoặc đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.<br><br>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 02.1/NQ-MB-HĐQT ngày 09/03/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2022.<br><br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 20  | MBBL2227007   | 5.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 21  | MBBL2227008   | 4.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 22  | MBBL2227015   | 5.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 23  | MBBL2229016   | 5.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 24  | MBBL2229020   | 10.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 25  | MBBL2229021   | 200                                       | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Sổ tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.        | Nghị quyết số 38/NQ-MB-HĐQT ngày 27/12/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2022-2023.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 26  | MBBL2328008   | 50                                        | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Sổ tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, cụ thể để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 26/NQ-MB-HĐQT ngày 21/07/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2023.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.      |
| 27  | MBBL2330001   | 100                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 28  | MBBL2330002   | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 29  | MBBL2330003   | 50                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 30  | MBBL2330004   | 500                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 31  | MBBL2330005   | 1.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 32  | MBBL2330006   | 500                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 33  | MBBL2330007   | 400                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 34  | MBBL2330009   | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|---------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35  | MBBL2330010   | 100                                       | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 58/NQ-MB-HĐQT ngày 21/12/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành bổ sung trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2023-2024.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 36  | MBBL2330011   | 199                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 37  | MBBL2330012   | 150                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 38  | MBBL2431001   | 150                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 39  | MBBL2431002   | 100                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 40  | MBBL2434003   | 800                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 41  | MBBL2432004   | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 42  | MBBL2431005   | 1.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 43  | MBBL2431006   | 100                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 44  | MBBL2431007   | 100                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 45  | MBBL2434008   | 200                                       | Nghị quyết số 58/NQ-MB-HĐQT ngày 21/12/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành bổ sung trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2023-2024 và Nghị quyết số 09/NQ-MB-HĐQT về việc bổ sung, cập nhật phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2023-2024.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 46  | MBBL2431009   | 400                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 47  | MBBL2431010   | 301                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 48  | MBBL2431011   | 200                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 49  | MBBL2431013   | 1.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 50  | MBBL2431023   | 500                                       | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 38/NQ-MB-HĐQT ngày 02/10/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành bổ sung Trái phiếu tăng vốn cấp 2 theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024 – 2025.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 51  | MBBL2431024   | 1.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 52  | MBBL2432022   | 10.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 53  | MBBL2432025   | 3.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 54  | MBBL2432026   | 500                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 55  | MBBL2432027   | 7.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 56  | MBBL2427015   | 20.000                                    | Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo.<br>Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư của MB trong năm 2024 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nghị quyết số 25/NQ-MB-HĐQT ngày 30/05/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024.                                                                                                                                    |
| 57  | MBBL2427016   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 58  | MBBL2427017   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 59  | MBBL2426012   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 60  | MBBL2426014   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 61  | MBBL2426018   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 62  | MBBL2426019   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 63  | MBBL2427020   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 64  | MBBL2427021   | 20.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|---------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 65  | MBB12501      | 1.000                                     | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nghị quyết số 38/NQ-MB-HĐQT ngày 02/10/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành bổ sung Trái phiếu tăng vốn cấp 2 theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024 – 2025.<br>CV số 12599/MB-HS ngày 23 tháng 09 năm 2025 v/v Làm rõ nội dung tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. |
| 66  | MBB12503      | 2.000                                     | Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 67  | MBB12504      | 500                                       | phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 68  | MBB12505      | 4.000                                     | quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 69  | MBB12506      | 500                                       | nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 70  | MBB12507      | 20.000                                    | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.<br>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.<br>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 26/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ.                                                                                                                               |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 71  | MBB12508      | 50.000                                    | <p>Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p> | Nghị quyết số 28/NQ-MB-HDQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025.      |
| 72  | MBB12509      | 2.000                                     | <p>Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p>                                                                                                 | Nghị quyết số 26/NQ-MB-HDQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ. |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                        |
|-----|---------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 73  | MBB12510      | 20.000                                    | <p>Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p> | <p>Nghị quyết số 28/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025.</p>      |
| 74  | MBB12511      | 50.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 75  | MBB12512      | 5.000                                     | <p>Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p>                                                                                                 | <p>Nghị quyết số 26/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ.</p> |
| 76  | MBB12513      | 500                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 77  | MBB12514      | 10.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 78  | MBB12515      | 2.500                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                        |
|-----|---------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 79  | MBB12516      | 2.500                                     | <p>Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p>                                                                                             | <p>Nghị quyết số 27/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 2 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ.</p> |
| 80  | MBB12517      | 10.000                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 81  | MBB12518      | 1.000                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 82  | MBB12519      | 2.800                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          |
| 83  | MBB12520      | 20.000                                    | <p>Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.</p> <p>Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.</p> <p>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.</p> | <p>Nghị quyết số 28/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025</p>       |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 84  | MBB12521      | 2.000                                     | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nghị quyết số 27/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 2 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ. |
| 85  | MBB12522      | 2.000                                     | Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                   |
| 86  | MBB12523      | 700                                       | Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                   |
| 87  | MBB12524      | 30.000                                    | Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nghị quyết số 28/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025 .     |
| 88  | MBB12525      | 30.000                                    | Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.<br>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. |                                                                                                                                                                                                                   |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

| STT | Mã trái phiếu | Khối lượng<br>phát hành thực<br>tế (trái phiếu) | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Văn bản phê duyệt                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 89  | MBB12526      | 7.450                                           | Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.<br>Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.<br>Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.<br>Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác. | Nghị quyết số 27/NQ-MB-HĐQT ngày 22/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 2 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ. |
| 90  | MBB12527      | 500                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 91  | MBB12528      | 6.000                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 92  | MBB12529      | 1.000                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 93  | MBB12530      | 5.000                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 94  | MBB12531      | 4.300                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 95  | MBB12532      | 1.500                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |
| 96  | MBB12533      | 5.000                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ**

Kỳ báo cáo: Năm 2025

Tổng hợp về thực tế sử dụng của từng mã trái phiếu (theo mệnh giá phát hành) đối với các trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 được nêu trong bảng dưới đây:

| STT | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu | Mã trái phiếu       | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I.  | Tăng vốn cấp 2                                  |                     | 13.685.000.000.000                                                                                 | 9.975.000.000.000                                                                                                                 | 23.660.000.000.000                                                                                 |
| 1   | Hoạt động cho vay                               |                     | 13.685.000.000.000                                                                                 | 9.975.000.000.000                                                                                                                 | 23.660.000.000.000                                                                                 |
|     |                                                 | MB.BOND.2017.10Y.01 | 500.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 500.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MB.BOND.2017.10Y.08 | 20.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 20.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2018.10Y.01      | 170.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 170.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MB.2018.10Y.02      | 140.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 140.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MB.2018.10Y.03      | 25.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 25.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2018.10Y.04      | 45.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 45.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2018.10Y.05      | 20.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 20.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2018.7Y.01 (*)   | 40.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 40.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2018.7Y.02 (*)   | 400.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 400.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MB.2019.10Y.01      | 60.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 60.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MB.2019.10Y.02      | 80.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 80.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBH2128002         | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128001         | 170.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 170.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128004         | 120.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 120.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128005         | 245.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 245.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128008         | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128009         | 220.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 220.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2128011         | 80.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 80.000.000.000                                                                                     |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ (TIẾP)**

| STT | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu | Mã trái phiếu    | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 |
|-----|-------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                 | MBBL2227006 (**) | 360.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 360.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2227007 (**) | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2227008 (**) | 40.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 40.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2227015 (**) | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2229016 (**) | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2229020 (**) | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2229021      | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2328008      | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2330001      | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330002      | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330003      | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2330004 (*)  | 500.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 500.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330005 (*)  | 1.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                 | MBBL2330006 (*)  | 500.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 500.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330007 (*)  | 400.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 400.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330009 (*)  | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330010 (*)  | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330011 (*)  | 199.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 199.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2330012 (*)  | 150.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 150.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431001      | 150.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 150.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431002      | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2434003      | 800.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 800.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2432004      | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ (TIẾP)**

| STT | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu | Mã trái phiếu | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 |
|-----|-------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                 | MBBL2431005   | 1.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                 | MBBL2431006   | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431007   | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2434008   | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431009   | 400.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 400.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431010   | 301.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 301.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431011   | 200.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2431013   | 1.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                 | MBBL2431023   | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2431024   | 100.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2432022   | 1.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                 | MBBL2432025   | 300.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 300.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBBL2432026   | 50.000.000.000                                                                                     | -                                                                                                                                 | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBBL2432027   | 700.000.000.000                                                                                    | -                                                                                                                                 | 700.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBB12501      | -                                                                                                  | 100.000.000.000                                                                                                                   | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBB12503      | -                                                                                                  | 200.000.000.000                                                                                                                   | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBB12504      | -                                                                                                  | 50.000.000.000                                                                                                                    | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBB12505      | -                                                                                                  | 400.000.000.000                                                                                                                   | 400.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBB12506      | -                                                                                                  | 50.000.000.000                                                                                                                    | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                 | MBB12507      | -                                                                                                  | 2.000.000.000.000                                                                                                                 | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                 | MBB12509      | -                                                                                                  | 200.000.000.000                                                                                                                   | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                 | MBB12512      | -                                                                                                  | 500.000.000.000                                                                                                                   | 500.000.000.000                                                                                    |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ (TIẾP)**

| STT | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu               | Mã trái phiếu | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                               | MBB12513      | -                                                                                                  | 50.000.000.000                                                                                                                    | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                               | MBB12514      | -                                                                                                  | 1.000.000.000.000                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                               | MBB12515      | -                                                                                                  | 250.000.000.000                                                                                                                   | 250.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12516      | -                                                                                                  | 250.000.000.000                                                                                                                   | 250.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12517      | -                                                                                                  | 1.000.000.000.000                                                                                                                 | 1.000.000.000.000                                                                                  |
|     |                                                               | MBB12518      | -                                                                                                  | 100.000.000.000                                                                                                                   | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12519      | -                                                                                                  | 280.000.000.000                                                                                                                   | 280.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12521      | -                                                                                                  | 200.000.000.000                                                                                                                   | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12522      | -                                                                                                  | 200.000.000.000                                                                                                                   | 200.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12523      | -                                                                                                  | 70.000.000.000                                                                                                                    | 70.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                               | MBB12526      | -                                                                                                  | 745.000.000.000                                                                                                                   | 745.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12527      | -                                                                                                  | 50.000.000.000                                                                                                                    | 50.000.000.000                                                                                     |
|     |                                                               | MBB12528      | -                                                                                                  | 600.000.000.000                                                                                                                   | 600.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12529      | -                                                                                                  | 100.000.000.000                                                                                                                   | 100.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12530      | -                                                                                                  | 500.000.000.000                                                                                                                   | 500.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12531      | -                                                                                                  | 430.000.000.000                                                                                                                   | 430.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12532      | -                                                                                                  | 150.000.000.000                                                                                                                   | 150.000.000.000                                                                                    |
|     |                                                               | MBB12533      | -                                                                                                  | 500.000.000.000                                                                                                                   | 500.000.000.000                                                                                    |
| 2   | Hoạt động đầu tư                                              |               | -                                                                                                  | -                                                                                                                                 | -                                                                                                  |
| 3   | Hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng |               | -                                                                                                  | -                                                                                                                                 | -                                                                                                  |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ (TIẾP)**

| STT                | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu          | Mã trái phiếu   | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 |
|--------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II.</b>         | <b>Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng</b> |                 | <b>18.000.000.000.000</b>                                                                          | <b>20.000.000.000.000</b>                                                                                               | <b>38.000.000.000.000</b>                                                                          |
| <b>1</b>           | <b>Hoạt động cho vay</b>                                 |                 | <b>18.000.000.000.000</b>                                                                          | <b>20.000.000.000.000</b>                                                                                               | <b>38.000.000.000.000</b>                                                                          |
|                    |                                                          | MBBL2426012 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2426014 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2427015 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2427016 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2427017 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2426018 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2426019 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2427020 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBBL2427021 (*) | 2.000.000.000.000                                                                                  | -                                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12508        | -                                                                                                  | 5.000.000.000.000                                                                                                       | 5.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12510        | -                                                                                                  | 2.000.000.000.000                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12511        | -                                                                                                  | 5.000.000.000.000                                                                                                       | 5.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12520        | -                                                                                                  | 2.000.000.000.000                                                                                                       | 2.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12524        | -                                                                                                  | 3.000.000.000.000                                                                                                       | 3.000.000.000.000                                                                                  |
|                    |                                                          | MBB12525        | -                                                                                                  | 3.000.000.000.000                                                                                                       | 3.000.000.000.000                                                                                  |
| <b>Tổng (I+II)</b> |                                                          |                 | <b>31.685.000.000.000</b>                                                                          | <b>29.975.000.000.000</b>                                                                                               | <b>61.660.000.000.000</b>                                                                          |

(\*) Các mã này có dư nợ tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng.

(\*\*) Ngày 23/09/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội đã ban hành Công văn số 12599/MB-HS gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu để làm rõ nội dung công bố thông tin về mục đích phát hành đối với một số mã trái phiếu<sup>1</sup> là: Bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng và/hoặc đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

<sup>1</sup> Trong năm 2025, Thanh Tra Chính phủ đã công bố kết luận số 276/KL-TTCTP ngày 05/08/2025 liên quan đến mục đích phát hành đối với một số mã trái phiếu phát hành từ năm 2022. Tại 31/12/2025, số dư của các trái phiếu này còn lại 650 tỷ đồng (gồm các mã TP MBB12227006, MBB12227007, MBB12227008, MBB12227015, MBB12229016 và MBB12229020).

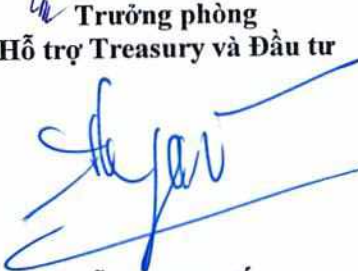
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**3. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÒN DƯ NỢ (TIẾP)**

Tổng giá trị theo mệnh giá của các mã còn dư nợ tại ngày 31/12/2025 là 40.171.000.000.000 đồng.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

|                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giám đốc</b><br><b>Trung tâm Kinh doanh</b><br><b>Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ</b><br><br><b>Phạm Trí Hiếu</b>                                                                         | <b>NGƯỜI LẬP BÁO CÁO</b><br><b>Giám đốc</b><br><b>Trung tâm Tài chính</b><br><br><b>Ngô Trường Giang</b> | <b>Ch</b> <b>Trưởng phòng</b><br><b>Hỗ trợ Treasury và Đầu tư</b><br><br><b>Đỗ Thị Hải Yến</b> |
| <b>NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b><br><b>PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</b><br><br><br><b>Nguyễn Minh Châu</b> |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                   |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỞ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

**1. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI**

**1.1. Vốn điều lệ**

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 80.549.999 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 53.063.241 triệu đồng).

**1.2. Mạng lưới hoạt động**

Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 115 chi nhánh (bao gồm Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào), 213 phòng giao dịch.

**1.3. Công ty con**

Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có các công ty con như sau:

| STT | Tên Công ty                                                                                   | Giấy phép hoạt động                                                                                                  | Lĩnh vực hoạt động                                                                | Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC") | 0105281799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11/09/2002                                                       | Quản lý nợ và khai thác tài sản                                                   | 100,00%                      |
| 2   | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")                                                        | 116/GP-UBCK ngày 09/12/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp                                                       | Môi giới, đầu tư và kinh doanh chứng khoán                                        | 66,76%                       |
| 3   | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")                                          | 21/UBCK-GPĐCQLQ ngày 15/11/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp                                                   | Quản lý quỹ đầu tư                                                                | 90,77%                       |
| 4   | Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (*) ("Mcredit")                                             | Quyết định số 592/QĐ-NHNN ngày 05/04/2023 sửa đổi bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty số 32/GP-NHNN | Tài chính tiêu dùng                                                               | 50,00%                       |
| 5   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")                                                | 43/GP/KDBH ngày 08/10/2017 do Bộ Tài chính cấp                                                                       | Bảo hiểm phi nhân thọ                                                             | 67,68%                       |
| 6   | Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas ("MBAL")                                              | 74/GP/KDBH ngày 21/07/2016 do Bộ Tài chính cấp                                                                       | Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính | 61,00%                       |
| 7   | Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia ("MBCambodia")                                          | MOC-00021616 do Bộ thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 02 tháng 01 năm 2023                                     | Ngân hàng thương mại                                                              | 100,00%                      |
| 8   | Ngân hàng TM TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") (**)                                          | 0048/QĐ-NH ngày 30/12/1993 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp lần đầu                                                    | Ngân hàng thương mại                                                              | 100,00%                      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

**1. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (TIẾP)**

**1.3. Công ty con (tiếp)**

(\*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc và một số quản lý chủ chốt tại MCredit.

(\*\*) Ngày 17 tháng 10 năm 2024, NHNN Việt Nam đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc đối với Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương cho Ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc được NHNN Việt Nam phê duyệt. Sau khi được chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương tiếp tục hoạt động dưới hình thức là một ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ.

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương sau đó được đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") theo Quyết định số 741/QĐ-TTGSNH1 ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng chưa có khoản góp vốn nào vào MBV.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 185 của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng không phải hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu**

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 được lập cho những trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ trong giai đoạn từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025.

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành được lập nhằm đáp ứng yêu cầu công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 ("Nghị định 153") của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 ("Nghị định 65") của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại Nghị định 65 và Nghị định 153, Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước, Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh và chính sách quản lý nguồn vốn, dòng tiền thu được từ phát hành cùng với các nguồn vốn huy động khác sẽ hòa chung vào nguồn vốn tổng thể của Ngân hàng. Số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu từ tháng 12 năm 2025 đã được theo dõi riêng thông qua một tài khoản. Dòng tiền cấp tín dụng và/hoặc các hoạt động, kinh doanh khác được xác định trên cơ sở quản lý tổng thể các nguồn vốn theo các chính sách quản lý rủi ro tín dụng và/hoặc các chính sách, quy định nội bộ khác của Ngân hàng và quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Theo đó, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu này được lập trên cơ sở:

- Thu từ huy động trái phiếu: là số tiền gốc thu được theo mệnh giá phát hành (không bao gồm các chi phí liên quan đến việc phát hành và các khoản chiết khấu hay phụ trội). Số tiền mà Ngân hàng thu được từ huy động trái phiếu đã được hạch toán vào tổng nguồn vốn của Ngân hàng theo số tiền thực thu; và

- Chi sử dụng số tiền huy động từ trái phiếu: là số tiền chi thực tế từ nguồn thu huy động trái phiếu riêng lẻ ở trên và không bao gồm lãi phải trả. Số tiền cấp tín dụng và/hoặc các hoạt động, kinh doanh khác từ nguồn vốn huy động thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ trong giai đoạn từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 được ghi nhận theo số tiền thực tế sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu (tiếp)**

(Việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ trong giai đoạn từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 được tính theo lần giải ngân đầu tiên từ nguồn tiền phát hành trái phiếu.).

**2.2 Kỳ báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành được lập cho kỳ báo cáo năm 2025.

**2.3 Mục đích sử dụng báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành được lập trên cơ sở thực thu - thực chi từ các đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước đối với các trái phiếu còn dư nợ trong giai đoạn từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 và nhằm đáp ứng yêu cầu công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu thanh toán giao dịch, tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ và về việc hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành riêng lẻ kỳ báo cáo năm 2025 được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Giám đốc  
Trung tâm Kinh doanh  
Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Phạm Trí Hiếu

Giám đốc  
Trung tâm Tài chính

Ngô Trường Giang

Trưởng Phòng  
Hỗ trợ Treasury và Đầu tư

Đỗ Thị Hải Yến

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Châu